TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2022.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Chỗ ở hiện nay: No.20, Yanxin St, Yongkang District, nước W. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Ngọc T có đăng ký kết hôn năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Chị và anh T có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng về sống chung hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng từ năm 2009 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Chị đã phải đi lao động xuất khẩu tại nước W, còn anh T cũng mắc tệ nạn xã hội (nghiện ma túy) từ đó. Chị và gia đình đã rất nhiều lần khuyên can và cho anh T đi cai nghiện nhưng cũng không có gì thay đổi. Vợ chồng thường

xuyên tranh cãi qua điện thoại và ảnh hưởng đến tâm lý của con nhỏ và mẹ già. Hiện nay vợ chồng không thể chia sẻ, nói chuyện với nhau nữa. Chị thấy tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, không thể hàn gắn được, tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân thì cả hai cũng không hạnh phúc. Bản thân chị xác định không còn tình cảm với anh T, có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân cũng không có hạnh phúc nên chị có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Mai A, sinh ngày 19/6/2014. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu A tuy nhiên do hiện nay chị đang ở nước ngoài nên chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp Tòa giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị cũng nhất trí không có ý kiến gì. Về cấp dưỡng trong trường hợp anh T nuôi con, chị đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 03/3/2022 bị đơn anh Đỗ Ngọc T trình bày: Anh xác định về quan hệ hôn nhân phù hợp với lời khai của chị T1. Vợ chồng anh đã không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2021 đến nay. Đối với việc chị T1 xin ly hôn anh không được chị T1 gọi điện trao đổi gì. Đến khi anh nhận được giấy triệu tập và văn bản tố tụng của Tòa án anh mới được biết chị T1 làm thủ tục ly hôn với anh. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T1 nên xin được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị T1 đã khai là đúng. Hiện cháu A đang ở cùng anh. Trường hợp Tòa giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, trong trường hợp anh được nuôi con anh nhất trí ý kiến của chị T1 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho cháu.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1, cho chị T1 được ly hôn anh T. Con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Mai A, sinh ngày 19/6/2004, về cấp dưỡng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Chị T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho con chung đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên được quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Do nguyên đơn là người Việt Nam hiện đang ở Đài Loan, có địa chỉ cụ thể tại : No.20, Yanxin St, Yongkang District, nước W và có xác nhận của lãnh sự quán của Việt Nam tại nước W.

[1.1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn hiện đang ở nước ngoài, có địa chỉ cụ thể, không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng được. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

[1.2] Nguyên đơn đã gửi đầy đủ các văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án cho của Tòa án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3] Đối với bị đơn anh Đỗ Ngọc T được triệu tập nhưng không lên Tòa án để tự khai về quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Thị T1. Tòa án đã đến trực tiếp gia đình anh T để làm việc, anh T thể hiện quan điểm về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng tại biên bản làm việc ngày 03/3/2022 (Bút lục số 32, 33, 34). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tiến hành tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa. Nhưng anh Đỗ Ngọc T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặ bị đơn anh Đỗ Ngọc T.

[2] Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Ngọc T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng giữa có khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng không thể chia sẻ và quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung. Anh T mắc tệ nạn ma túy, mặc dù chị T1 và gia đình đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Tại bản tự khai của chị T1 cũng đã thể hiện, chị T1 xác định không còn tình cảm với anh T, cương quyết giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Về phía bị đơn anh T xác định vợ chồng không còn liên lạc với nhau từ cuối năm 2021 đến nay, mặc dù anh có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy chăm sóc con chung, nhưng bản thân anh cũng không tu chí, quyết tâm cai nghiện, anh cũng không chủ động gọi điện liên hệ, quan tâm hỏi han đến chị T1 nên giữa vợ chồng không còn sự đồng cảm, chia sẻ mà thường xuyên tranh cãi với nhau. Thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị T1 và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1, cho

chị T1 được ly hôn với anh T là phù hợp thực tế và Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, chị T1 và anh T đều xác định có 01 con chung là Đỗ Mai A, sinh ngày 19/6/2004. Khi ly hôn, chị T1 có nguyện vọng được nuôi con chung, anh T cũng xin được nuôi cả con chung. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ và sự ổn định cho các con khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao con chung Đỗ Mai A, sinh ngày 19/6/2004 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, cũng đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tại Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh T nhất trí nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Chị T1 có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyếtbằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong bản tự khai chị T1 xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Tại biên bản làm việc ngày 03/3/2022 và tại phiên tòa anh T cũng xác định không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị T1 phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4] Về đường lối giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28, 37, khoản 2 Điều 38, Điều 147, Điều 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T1 và anh Đỗ Ngọc T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T1 được ly hôn với anh Đỗ Ngọc T.

2. Về con chung: Giao con chung là Đỗ Mai A, sinh ngày 19/6/2004 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị T1 có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho cháu Đỗ Mai A là 2.000.000 đồng/tháng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp, biên lai số 0000059 ngày 23/12/2021tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị T1 được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày tuyên án, anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

<u>Nơi nhận</u>:
- *VKSND tỉnh;*
- *Cục THADS tỉnh;*
- *UBND TT H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thủy